

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 11 - 2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Đắc Minh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 447/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Huy B, sinh năm: 1967. Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm: 1969. Địa chỉ thường trú: Ấp G, xã L, huyện D, Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn (ông B) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà B chung sống với nhau từ năm 1986, chung sống tự nguyện nhưng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm đầu năm 1986 cho đến thời gian gần đây thì tình cảm vợ chồng bất đồng, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng quá nặng nề và mệt mỏi, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn được nữa nên nguyên đơn quyết định làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đào Huy V, sinh ngày 17/02/1990. Do con chung tên Đào Huy V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

Theo biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bà B) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B thống nhất với lời trình bày của ông B về quá trình chung sống với nhau từ năm 1986, chung sống tự nguyện nhưng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn.

Trước yêu cầu xin ly hôn của ông B thì bà B đồng ý thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đào Huy V, sinh ngày 17/02/1990. Do con chung tên Đào Huy V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Năm 1986, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng, có con chung tên Đào Huy V, sinh ngày 17/02/1990 nhưng không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung, do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “ly hôn”, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho nguyên đơn, bị đơn biết rằng hai bên đương sự sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1986 đến nay, có con chung tên Đào Huy V, sinh ngày 17/02/1990 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được công nhận là vợ chồng. Nguyên đơn, bị đơn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nếu nguyên đơn và bị đơn có thiện chí đoàn tụ về chung sống với nhau thì tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quan hệ hôn nhân của hai bên đương sự sẽ được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn vẫn kiên quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không còn sống chung từ nhiều năm nay nên không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa.

Vì vậy, căn cứ Điều 9, 14, 15 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đào Huy V, sinh ngày 17/02/1990. Do con chung tên Đào Huy V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đào Huy B và bà Lê Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung tên Đào Huy V, sinh ngày 17/02/1990 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Đào Huy B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009509 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, ông Đào Huy B đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trương Hữu Bình

Hồ Đắc Minh

Nguyễn Thị Hoàng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 53/HNGĐ-TLQĐ

Dầu Tiếng, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã xét xử giải quyết vụ án về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Hiền, sinh năm 1974. Hộ khẩu thường trú: Ấp Đồng Sơn, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn Bình, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú: Ấp Đồng Sơn, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;
- Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 9 và 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Thị Hiền và ông Đặng Văn Bình là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung tên Đặng Thị Hiền, sinh năm 1992 và Đặng Huy Hoàng, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Hiền phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032669 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Minh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng

